

Số: 593/BC-UBND

Tiểu Cần, ngày 21 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

**Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11/2023
và một số công tác trọng tâm tháng 12/2023**

**I. HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VÀ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**

- Tập trung chỉ đạo các phòng, ngành và các xã, thị trấn quyết liệt triển khai thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu theo Nghị quyết của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện, trong đó chú trọng thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm và 03 nhiệm vụ đột phá. Chỉ đạo quyết liệt thực hiện các tiêu chí trong xây dựng xã và huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

- Chủ tịch UBND huyện dự Hội nghị sơ kết tình hình phát triển kinh tế - xã hội tháng 10 năm 2023 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2023 của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Huyện ủy. Ngoài ra, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện tham dự các cuộc họp, hội nghị do Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Sở, ngành tỉnh và Ban Thường vụ Huyện ủy triệu tập,...

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình và Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023.

- Triển khai và thực hiện tốt Kế hoạch Lễ hội Ok Om Bok năm 2023. Theo dõi, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn các công trình xây dựng cơ bản nhằm đảm bảo tỷ lệ theo kế hoạch tỉnh giao.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 09/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đối với tất cả các thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ đồng thời thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác vệ sinh môi trường, quản lý trật tự đô thị theo tinh thần Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ

Tỉnh ủy; quan tâm công tác phát triển doanh nghiệp và công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tài chính - ngân sách: Thu ngân sách nhà nước 16,887 tỷ đồng, nâng tổng số 524,931 tỷ đồng, đạt 97,91% dự toán (*dự toán 536,113 tỷ đồng*), giảm 15,95% so cùng kỳ, trong đó thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6,727 tỷ đồng, lũy kế 58,641 tỷ đồng, đạt 100,24% chỉ tiêu (*chỉ tiêu 58,5 tỷ đồng*), giảm 7,96% so cùng kỳ. Tổng chi ngân sách địa phương 74,114 tỷ đồng, nâng tổng số 486,020 tỷ đồng, đạt 91,42% dự toán (*dự toán 531,613 tỷ đồng*), giảm 1,87% so cùng kỳ, trong đó chi ngân sách huyện 66,329 tỷ đồng, lũy kế 418,703 tỷ đồng, đạt 94,23% dự toán (*dự toán 444,343 tỷ đồng*); chi ngân sách xã 7,785 tỷ đồng, lũy kế 67,317 tỷ đồng, đạt 77,14% dự toán. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 165 tỷ đồng, lũy kế 2.460 tỷ đồng, đạt 92,83% so kế hoạch, tăng 2,59% so cùng kỳ.

2. Tình hình phát triển ngành, lĩnh vực:

2.1. Sản xuất nông nghiệp:

a. Trồng trọt:

- **Cây lúa:** Xuống giống lúa Thu Đông 10.381,7 ha⁽¹⁾, đạt 102% kế hoạch (*KH 10.200 ha*). Lúa đang ở các giai đoạn đồng trổ 7.543,7 ha, ngâm sữa - chín 2.743 ha. Tình hình sâu, bệnh có 101 ha bị đạo ôn cổ bông, tỷ lệ 2-5%. Thu hoạch được 95 ha⁽²⁾, năng suất 5 tấn/ha.

- **Cây màu:** Trong tháng xuống giống 509,22 ha, lũy kế 3.763,72 ha, đạt 102,43% kế hoạch (*KH 3.674,5 ha*) tăng 1,38% cùng kỳ; thu hoạch 319,33 ha, lũy kế 3.409,5 ha, đạt 90,59% diện tích gieo trồng, sản lượng 97.177,96 tấn, đạt 99,64% so với kế hoạch (*KH 97.532,9 tấn*)⁽³⁾.

b. Chăn nuôi: Kiểm tra giết mổ được 2.205 con heo và 93 con bò, nâng tổng số 16.105 con heo và 737 con bò. Tiếp tục triển khai tiêm phòng các loại: vaccine cúm gia cầm; vaccine viêm da nổi cục; tiêm đại chó, mèo; dịch tả heo; tụ huyết trùng heo và phó thương hàn heo.

c. Thủy sản: Có 147 lượt hộ thả nuôi 3.144.000 con cá giống, diện tích 31,4 ha, lũy kế 1.401 lượt hộ, với 15.595.600 con cá giống, diện tích 121,54 ha, đạt 100,28% kế hoạch (*KH 121,2 ha*). Thu hoạch 143 lượt hộ, diện tích 27,84 ha, sản lượng 711,25 tấn, nâng tổng số 1.298 lượt hộ, diện tích 110,83 ha, sản lượng

⁽¹⁾ Thị trấn Tiểu Cần 40 ha, xã Hiếu Từ 1.767,8 ha, xã Hiếu Trung 1.281,6 ha, xã Tập Ngãi 1.800 ha, xã Ngãi Hùng 880 ha, xã Phú Cần 1.501,3 ha, xã Long Thới 1.583 ha, xã Tân Hùng 842 ha, xã Tân Hòa 252 ha và xã Hùng Hòa 434 ha.

⁽²⁾ xã Hiếu Từ 15 ha và xã Hiếu Trung 80 ha.

⁽³⁾ Trong này: Mầu lương thực xuống giống 19 ha, nâng tổng số 135,6 ha, đạt 102,73% kế hoạch (*KH 132 ha*). Thu hoạch được 24,23 ha, nâng tổng số 117,2 ha, đạt 86,43% diện tích gieo trồng, sản lượng 908,02 tấn, đạt 86,43% so với kế hoạch (*KH 1.050,6 tấn*); Mầu thực phẩm xuống giống 490,22 ha, nâng tổng số 2.689,72 ha, đạt 89,05% kế hoạch (*KH 3.020,5 ha*). Thu hoạch được 295,1 ha, nâng tổng số 2.353,9 ha, đạt 87,51% diện tích gieo trồng; sản lượng 44.500,94 tấn, đạt 75,9% so với kế hoạch (*58.628,3 tấn*). Cây mía: Lưu gốc và trồng mới được 17,9 ha đạt 149,17% kế hoạch, giảm 39,12% so cùng kỳ, thu hoạch 17,9 ha, sản lượng 1.470,83 tấn. Cây gia vị, cây hàng năm khác xuống giống được 920,5 ha, đạt 180,49% so với kế hoạch (*KH 510 ha*). Thu hoạch được 920,5 ha, sản lượng 50.298,17 tấn.

6.197,72 tấn, đạt 88,16 % kế hoạch (KH 7.030 tấn), giảm 11,72% cùng kỳ⁽⁴⁾. Khai thác nội đồng được 43,26 tấn (cá các loại 17,3 tấn, tôm các loại 5,96 tấn, thủy sản khác 20 tấn), nâng tổng số 363,62 tấn (cá các loại 151,23 tấn, tôm các loại 34,6 tấn, thủy sản khác 177,79 tấn) đạt 85,56% kế hoạch (KH 425 tấn).

d. Thủy lợi nội đồng và phòng, chống thiên tai: Chỉ đạo thường xuyên theo dõi tình hình độ mặn tại vàm Cầu Quan, cống Cần Chông để có kế hoạch vận hành cống thích hợp phục vụ sản xuất. Phối hợp Công ty Quản lý Kỹ thuật công trình Thủy lợi tổ chức nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng công trình: Nạo vét 07 kênh cấp II xã Tập Ngãi; thay mới cầu thang vận hành cống Cần Chông và thay khung cửa số 1, 2 cống Cần Chông. Tổng hợp tình hình thiệt hại do mưa dông trên địa bàn huyện ngày 23/10/2023, kết quả có 02 nhà bị tốc máy tone, ước thiệt hại 50 triệu đồng.

* **Điện - nước sinh hoạt:** Toàn huyện có 29.469/29.494 hộ sử dụng điện, đạt 99,92% so với tổng số hộ chung, giảm 0,01% so cùng kỳ, trong này có 29.469/29.469 hộ sử dụng điện an toàn, đạt 100% so với tổng số hộ sử dụng điện. Tổng số hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch 20.796/25.220 hộ, đạt 82,46% tổng số hộ nông thôn; tổng số hộ dân thành thị sử dụng nước sạch 4.274/4.274 hộ, đạt 100% tổng số hộ thành thị.

2.2. Thương mại và dịch vụ: Tình hình thị trường hàng hóa ổn định, đa dạng, dồi dào,... và không có tình trạng găm hàng, tăng giá, hàng giả. Theo dõi, đơn đốc Công ty TNHH đầu tư phát triển chợ - siêu thị Việt Mai tiến độ thực hiện Dự án xây dựng chợ Tiểu Cần (giai đoạn 2).

2.3. Giao thông: Làm việc với Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các công trình giao thông trên địa bàn huyện; Bàn giao mặt bằng công trình cải tạo, nâng cấp Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao, hạng mục bố trí hệ thống chỗ ngồi 350 chỗ và hệ thống chiếu sáng; nghiệm thu công trình gói thầu số 18 Dự án xây mới, cải tạo Nhà văn hóa xã, ấp, đường GTNT ấp Kinh, xã Hùng Hòa; nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng công trình sửa chữa mặt đường và cống thoát nước đường Tỉnh 912 (Km08+100), huyện Tiểu Cần.

* **Công tác giải phóng mặt bằng:** Phối hợp tiến hành chi trả tiền GPMB thực hiện công trình: Hoàn thiện hạ tầng giao thông đô thị loại IV, huyện Tiểu Cần và xây dựng mới và nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV được 36 hộ, với số tiền 6,628 tỷ đồng.

2.4. Xây dựng cơ bản: Quản lý 51 dự án (trong đó có 38 dự án khởi công mới, 01 dự án chuẩn bị đầu tư) với kế hoạch vốn được giao 293,361 tỷ đồng, giải ngân đến ngày 15/11/2023 là 207,490 tỷ đồng, đạt 70,73% kế hoạch vốn, giảm 56,95% so cùng kỳ. Trong này, tỉnh quản lý 09 dự án (có 01 dự án khởi công mới, 01 dự án chuẩn bị đầu tư), kế hoạch vốn được giao là 170,560 tỷ đồng, giải

⁽⁴⁾ Trong đó: Cá tra: có 06 lượt hộ, diện tích 0,68 ha, sản lượng 145 tấn. Nâng tổng số 27 lượt hộ, diện tích 3,29 ha, sản lượng 732 tấn. Cá lóc: có 18 lượt hộ, diện tích 1,41 ha, sản lượng 364 tấn. Nâng tổng số 174 lượt hộ, diện tích 15,14 ha, sản lượng 3.491,5 tấn. Cá hồng hợp: có 119 lượt hộ, diện tích 25,75 ha, sản lượng 202,25 tấn. Nâng tổng số 1.097 lượt hộ, diện tích 92,4 ha, sản lượng 1.974,22 tấn.

ngân đến ngày 15/11/2023 là 129,609 tỷ đồng, đạt 75,99% kế hoạch vốn; huyện quản lý 42 dự án (*trong này có 37 dự án khởi công mới*) với kế hoạch vốn được giao là 122,801 tỷ đồng, giải ngân đến ngày 15/11/2023 là 77,881 tỷ đồng, đạt 63,42% kế hoạch vốn. Quyết toán dự án hoàn thành được 07 dự án với giá trị quyết toán 14,304 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm quyết toán 35 dự án với tổng giá trị 92,830 tỷ đồng.

* **Nhà ở:** Cấp 02 giấy phép xây dựng; nâng tổng số đến nay 18 giấy phép.

2.5. Quy hoạch và xây dựng đô thị: Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 27/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng huyện Tiểu Cần đạt chuẩn đô thị loại IV và trở thành thị xã trực thuộc tỉnh năm 2025. Phê duyệt nhiệm vụ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Trung tâm xã Hùng Hòa và xã Tân Hòa.

2.6. Phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể:

- Phát triển mới 06 doanh nghiệp, lũy kế đến nay đã phát triển mới 45/40 doanh nghiệp⁽⁵⁾, đạt 112,5% chỉ tiêu, vốn đăng ký 592,52 tỷ đồng, tăng 19 doanh nghiệp so cùng kỳ. Cấp mới 18 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể, vốn đăng ký 07 tỷ đồng, nâng tổng số đã cấp 2.423 giấy, vốn đăng ký 297,47 tỷ đồng; thay đổi 02 giấy, nâng tổng số đã thay đổi 421 giấy.

- **Về kinh tế tập thể:** Toàn huyện hiện có 15 HTX (*02 HTX lĩnh vực xây dựng, 12 HTX lĩnh vực nông nghiệp và 01 HTX lĩnh vực tín dụng*), với 3.492 thành viên, vốn điều lệ 18,16 tỷ đồng. Về tổ hợp tác có tổng số 155 tổ, với 4.330 thành viên (*lĩnh vực trồng trọt có 134 THT và lĩnh vực chăn nuôi có 21 THT*). Hỗ trợ các xã hoàn thiện hồ sơ nội dung 13.1 thuộc tiêu chí 13 trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

2.7. Nông thôn mới, Chương trình OCOP:

* **Nông thôn mới:** Thực hiện quy trình đề nghị UBND tỉnh thẩm tra hồ sơ, đánh giá kết quả thực hiện xây dựng huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

* **Chương trình OCOP:** Ban hành quyết định công nhận sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện đợt 2 năm 2023. Đồng thời, gửi hồ sơ sản phẩm tiềm năng 5 sao (*nước tương mật hoa dứa Organic Sokfarm và Mật hoa dứa tươi Organic Sokfarm*) về tình đề nghị Hội đồng cấp tỉnh đánh giá, phân hạng theo quy định. Toàn huyện hiện có 22 sản phẩm OCOP⁽⁶⁾, trong đó có 13 sản phẩm 3 sao, 05 sản phẩm 4 sao và 02 sản phẩm 5 sao và 02 sản phẩm tiềm năng 05 sao (*đường hoa dứa và mật hoa dứa cô đặc*).

⁽⁵⁾ Thị trấn Tiểu Cần 12/06 DN, thị trấn Cầu Quan 07/05 DN, xã Phú Cần 05/05 DN, xã Hiếu Từ 06/03 DN, xã Hiếu Trung 03/03 DN, xã Long Thới 04/03 DN, xã Hùng Hoà 01/02 DN, xã Tân Hùng 02/03 DN, xã Tập Ngãi 00/04 DN, xã Ngãi Hùng 02/03 DN, xã Tân Hòa 03/03 DN.

⁽⁶⁾ Mật hoa dứa, Đường hoa dứa, Hạt ca cao - Mật hoa dứa, giấm Mật hoa dứa, Mật hoa dứa lên men, Nước tương Mật hoa dứa, Kẹo đậu phộng, Lạp Xương 6 Be, Nước màu dứa, Bưởi Da Xanh, Gạo Rạch Lọt Tiểu Cần, Gạo Rạch Lọt Trà Vinh, Gạo Rạch Lọt Tân Hùng, Rượu nếp than, Chả lụa Năm Nghĩa, Yên sào Hạo Nhiên, Gạo Cô Ba, Dứa xiêm xanh, Nếp sấy chà bông Út Bích, Lạp xường Phúc Mừng, Bánh bông lan Ngọc Cẩm, Mật hoa dứa tươi Organic Sokfarm.

3. Lĩnh vực văn hóa - xã hội:

3.1. Giáo dục và Đào tạo: Xây dựng Kế hoạch Hội giảng - báo cáo chuyên đề cấp huyện, cấp tỉnh năm học 2023-2024; chỉ đạo kiểm tra chuyên ngành Trường Tiểu học Long Thới A, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ Trường THCS Hùng Hòa năm học 2023-2024. Tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng học sinh giữa học kỳ I năm học 2023-2024. Hoàn thành công tác kiểm tra phổ cập giáo dục - xóa mù chữ năm 2023 (*11/11 xã, thị trấn*); tổng hợp số liệu và chuẩn bị làm việc với Đoàn kiểm tra của tỉnh (*từ ngày 29/11 đến 01/12/2023*). Chỉ đạo tổ chức các hoạt động kỷ niệm 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (*20/11/1982 - 20/11/2023*).

* **Hoạt động thường xuyên và dạy nghề:** Tuyển sinh các lớp văn hóa với quy mô phát triển với 396 học viên/10 lớp. Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục thường xuyên, các chỉ tiêu chất lượng giáo dục học viên và kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024. **Về dạy nghề:** Tổ chức bế giảng 06 lớp nghề Chăn nuôi - Thú y heo, bò tại các xã: Ngãi Hùng, Hiếu Tử, Long Thới, lớp Trồng rau an toàn tại xã Hiếu Trung với 136 học viên được cấp chứng chỉ đào tạo. Tổ chức đưa học sinh lớp nghề Điều dưỡng tham gia dự lễ khai giảng tại Trung tâm GDNN-GDTX huyện Châu Thành với 43 học sinh tham dự.

3.2. Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Đến nay có 3.237 lao động tư vấn và giới thiệu việc làm mới, đạt 115,61% chỉ tiêu (*chỉ tiêu 2.800*), tăng 8,7% so cùng kỳ. Đưa 29 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, lũy kế 354/135 lao động (*trong này có 149 lao động nữ*), đạt 262,22% chỉ tiêu, tăng 81,54% so cùng kỳ⁽⁷⁾. Phê duyệt Quyết định kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 trên địa bàn huyện với tổng số: Hộ nghèo 163 hộ, chiếm tỷ lệ 0,55% so với tổng số hộ dân cư toàn huyện⁽⁸⁾, giảm 70 hộ, tương đương giảm 0,24%, vượt 14 hộ so kế hoạch; Hộ nghèo dân tộc Khmer giảm 41 hộ, tỷ lệ giảm 0,44% vượt 15 hộ; tỷ lệ hộ nghèo khmer còn 63 hộ chiếm 0,67%. Hộ cận nghèo 720 hộ, chiếm tỷ lệ 2,44%. Hộ trung bình 14.877 hộ chiếm 50,46%; Hộ khá 12.119 hộ chiếm 41,11%; Hộ giàu 1.605 hộ chiếm 5,44%. Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động 76% (51.693/68.007 lao động), trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ đạt 36,84% (*25.053/68.007 lao động*).

- Tiếp nhận mới 19 hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chính sách ưu đãi người có công. Phối hợp tổ chức cấp phát và hướng dẫn sử dụng tài khoản thẻ ATM cho đối tượng người có công và bảo trợ xã hội đợt I năm 2023 tại 11/11 xã, thị trấn. Thăm và hỗ trợ đợt xuất làm lại 01 căn nhà sập ở Hiếu Tử, số tiền 40.000.000 đồng. Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Nạn nhân chất độc da cam/dioxin phối hợp với Hội Chữ thập đỏ huyện và các tổ chức từ thiện tặng quà và tiền cho người nghèo, người bệnh... trên địa bàn với tổng số tiền hơn 250 triệu đồng.

⁽⁷⁾ Nhật Bản 343 lao động, Đài Loan 10 lao động và UAE 01 lao động.

⁽⁸⁾ trong đó: Hộ nghèo không có khả năng lao động 121 hộ, chiếm tỷ lệ 74,23% so với tổng số hộ nghèo; Hộ nghèo có đối tượng người có công với cách mạng 0 hộ, chiếm tỷ lệ 0,00% so với tổng số hộ nghèo; Hộ nghèo dân tộc Khmer 63 hộ, chiếm tỷ lệ 0,67% so với tổng số hộ dân cư dân tộc Khmer (*chiếm tỷ lệ 38,65% so với tổng số hộ nghèo toàn huyện*).

- Quyết định trợ cấp bảo trợ xã hội cho 72 đối tượng. Đề nghị mua BHYT cho 53 đối tượng BTEXH, nâng tổng số đến nay toàn huyện có 3.494 đối tượng BTEXH đang hưởng BHYT và 4.914 đối tượng đang hưởng trợ cấp hàng tháng với số tiền chi trả khoảng 2,7 tỷ đồng/tháng. Chi trợ cấp theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND cho 164 đối tượng, số tiền 67,68 triệu đồng.

- Có 7/11 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em⁽⁹⁾, đạt 63,64% so kế hoạch và 04 xã không đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em⁽¹⁰⁾.

3.3. Văn hóa và Thông tin: Tổ chức kiểm tra đánh giá nâng chất ấp, khóm văn hóa năm 2023 và công nhận lại 80 ấp văn hóa, khóm văn hóa theo Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh và Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng “*Thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh*” năm 2023 đối với thị trấn Cầu Quan và thị trấn Tiểu Cần, kết quả 02 thị trấn đạt 09 tiêu chí (52/52 tiêu chuẩn); khảo sát tình hình hoạt động đội văn nghệ dân gian của dân tộc Khmer tại các xã: Hiếu Tử, Phú Cần, Long Thới và tổng hợp báo cáo thực trạng hoạt động các loại hình nghệ thuật Khmer trên địa bàn huyện. Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Du lịch hỗ trợ cho đoàn tham quan du lịch huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giao lưu tiếp xúc với điểm du lịch Sokfarm (Mật hoa dừa) ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần với 45 lượt khách.

- Hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao: Tổ chức sản xuất 35 chương trình thời sự (135 tin, 17 bài viết, 04 câu chuyện truyền thanh, 05 văn bản); lũy kế 376 chương trình thời sự (1.537 tin, 241 bài viết, 21 câu chuyện truyền thanh, 45 tin, bài, 26 văn bản). Thực hiện 40 chuyên đề, lũy kế 424 chuyên đề. Thực hiện 140 giờ phát thanh (70 buổi), ước tính có khoảng 9.831.595 lượt thính giả nghe Đài; lũy kế 1.431 giờ 15 phút (719 buổi), có khoảng 96.164.006 lượt thính giả nghe Đài. Đăng tải lên trang Thông tin điện tử huyện 55 tin, bài, 376 ảnh, 55 văn bản; nâng tổng số 602 tin, bài, 3.722 ảnh, 424 văn bản, 03 video, 06 đề cương tuyên truyền. Tổ chức giải bóng chuyền dân tộc Khmer năm 2023, kết quả: Đội bóng xã Hiếu Trung đạt giải Nhất; ấp Cầu Tre, xã Phú Cần đạt giải Nhì và Đội bóng ấp Đại Trường, xã Phú Cần đạt giải Ba; đồng thời tổ chức tuyển chọn 123 vận động viên tập luyện 03 môn thể thao (bóng chuyền nam dân tộc, bóng đá nam 05 người và đua ghe Ngo) tham gia tranh tài tại lễ hội Ok Om Bok tỉnh năm 2023. Đến nay có khoảng 9.500 lượt võ sinh đến tập luyện và 18.660 người dân đến vui chơi thể thao, giải trí, tập luyện thể thao.

3.4. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Khám chữa bệnh, tiêm phòng: Có 11.828 lượt người khám chữa bệnh; phát hiện 08 trường hợp bệnh sốt xuất huyết, lũy kế 107 trường hợp; 32 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng, lũy kế 83 trường hợp; 748 trường hợp mắc bệnh do virus Adeno.

⁽⁹⁾ Thị trấn Cầu Quan, thị trấn Tiểu Cần, xã Hiếu Tử, xã Hiếu Trung, xã Phú Cần, xã Hùng Hòa, xã Ngãi Hùng.

⁽¹⁰⁾ Xã Long Thới, xã Tân Hùng, xã Tập Ngãi, xã Tân Hòa.

- **An toàn thực phẩm:** Kiểm tra an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể, căn tin trường học và các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống gần các khu vực trường học (từ ngày 26/10 đến ngày 09/11/2023). Kết quả kiểm tra 36 cơ sở, trong này có 10 cơ sở vi phạm chủ yếu các lỗi thiếu cam kết an toàn thực phẩm, xác nhận kiến thức và giấy khám sức khỏe hết hạn... (Đoàn lập biên bản khắc phục trong thời gian 07 ngày). Hướng dẫn 04 cơ sở kinh doanh thuộc lĩnh vực Công thương xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương.

- **Bảo hiểm xã hội:** Số người tham gia BHYT toàn dân là 103.601/108.808 người, đạt 95,21% so dân số toàn huyện, vượt 0,24% kế hoạch (KH 94,98%), tăng 7,56% so cùng kỳ. Tỷ lệ tham gia BHXH trong tổng số lực lượng lao động trong độ tuổi đạt 24,89%, vượt 0,53% kế hoạch (KH 24,76%), tăng 31,76% so cùng kỳ, trong đó BHXH tự nguyện đạt 4,47%, đạt 89,4% so kế hoạch (KH 5,0%), giảm 6,68% so cùng kỳ. Tỷ lệ tham gia BHTN trong tổng số lực lượng lao động trong độ tuổi đạt 17,36%, vượt 3,33% so kế hoạch (KH 16,8%).

4. Tài nguyên và Môi trường:

- **Tài nguyên:** Phê duyệt 06 hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 1.234,6 m²(¹¹). Cấp 20 giấy CNQSDĐ lần đầu, tổng diện tích 3,16 ha, lũy kế đến nay đã cấp 63.716 giấy, tổng diện tích 20.428,35 ha, đạt 99,76% diện tích cấp giấy trong toàn huyện, công nhận và cấp giấy CNQSDĐ 03 hồ sơ với diện tích 3.318,6m². Phê duyệt kế hoạch thu hồi đất điều tra, khảo sát đo đạc kiểm đếm và ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Đường nối Quốc lộ 60 - Quốc lộ 54, huyện Tiểu Cần và phê duyệt bổ sung giá đất cụ thể và thông báo thu hồi thực hiện Tiểu dự án Cầu Đại Ngãi.

- **Môi trường:** Nhận và cấp 01 hồ sơ cấp giấy phép môi trường; lũy kế đã cấp đến nay 05 hồ sơ. Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 27/CT-TU ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các ngành đoàn thể lồng ghép tuyên truyền tại các cuộc họp chi tổ hội được 25 cuộc, có 459 lượt người dự, lũy kế được 303 cuộc có 7.336 lượt người tham dự. Xây dựng cảnh quan môi trường đô thị và nông thôn được tổng số 70 cuộc, có 1.670 người tham gia, khơi thông 25km cống rãnh; thu gom xử lý 0,8 tấn rác thải; phát hoang 38km bụi rậm, vớt lục bình 3km; khơi thông được 6,7km đường giao thông; trồng và chăm sóc 2.067 cây xanh; thu gom vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật 81kg.

5. Lĩnh vực dân tộc - tôn giáo: Tiếp xúc 16 lượt người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và các chức sắc trong tôn giáo. Phối hợp tuyên truyền các chủ trương của Đảng; chính sách pháp luật của nhà nước, các tiêu chí về nông thôn mới nâng cao, trong vùng đồng bào dân tộc Khmer.

⁽¹¹⁾ trong đó: 01 hồ sơ với diện tích 398,5m² chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở nông thôn; 02 hồ sơ với diện tích 187,7m² chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở nông thôn; 01 hồ sơ với diện tích 87,4m² chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị; 02 hồ sơ với diện tích 560,9m² chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở đô thị

6. Lĩnh vực Nội vụ - Tư pháp - Thanh tra - Cải cách hành chính:

6.1. Nội vụ: Quyết định nâng lương thường xuyên cho cán bộ, công chức, viên chức 54 trường hợp, nâng lương trước thời hạn 08 trường hợp; nâng phụ cấp thâm niên cho 07 trường hợp; xếp phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã 144 trường hợp, phụ cấp thâm niên vượt khung 38 trường hợp; bổ nhiệm có thời hạn 02 công chức, bổ nhiệm lại 22 công chức và công nhận hết thời gian tập sự 01 trường hợp, điều chuyển công chức 02 trường hợp. Ban hành quyết định khen thưởng đột xuất 17 tập thể và 33 cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua và an sinh xã hội. Qua tổng kết 10 năm thi hành Luật hòa giải ở cơ sở đã đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho 04 cá nhân và trình Giám đốc Sở Tư pháp tặng giấy khen cho 01 cá nhân.

6.2. Tư pháp: Triển khai, tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật bằng nhiều hình như thông qua hoạt động lồng ghép các cuộc hội, họp,... với tổng số 15 cuộc, có 520 lượt người dự. Thực hiện 03 chuyên đề chính sách pháp luật, với thời lượng 15 phút, ước số lượng người nghe đài khoảng 75.000 lượt; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của huyện 03 tin, bài phục vụ khoảng 80.000 lượt người truy cập. Đăng ký kết hôn 82 trường hợp (có yếu tố nước ngoài 02 trường hợp), đăng ký khai sinh 97 trường hợp và khai tử 49 trường hợp. Chứng thực bản sao đúng với bản chính 7.277 bản; 504 chữ ký trong văn bản, giấy tờ tiếng Việt; 331 hợp đồng giao dịch.

6.3. Thanh tra, Tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo:

- Tiếp công dân 11 lượt, 11 vụ việc, 11 người, trong đó cấp huyện tiếp công dân thường xuyên: 11 lượt, 05 vụ, 05 người được tiếp, tiếp công dân định kỳ và đột xuất của Chủ tịch UBND huyện (02 kỳ) 02 lượt, 02 vụ, 02 người được tiếp.

- Tiếp nhận 48 đơn (nhận mới 09 đơn, 39 đơn tháng trước chuyển sang), trong đó cấp huyện nhận 05 đơn mới, cấp xã 04 đơn mới. Số đơn đủ điều kiện xử lý 48 đơn, trong đó: có 20 đơn yêu cầu, 01 đơn khiếu nại, 09 đơn kiến nghị, 18 đơn tranh chấp. Kết quả xử lý đơn: Cấp huyện: 22 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết; cấp xã 24 đơn thuộc thẩm quyền. Kết quả giải quyết đơn 15/46 đơn, đạt 32,6%.

6.4. Cải cách hành chính: Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ các lĩnh vực tại Bộ phận Một cửa liên thông cấp huyện và cấp xã. Chỉ đạo tăng cường thực hiện các hoạt động công vụ và ứng dụng chính quyền điện tử, chính quyền số trong thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số PAR Index, PaPi, SIPAS giai đoạn 2021-2025.

7. Quốc phòng - An ninh:

7.1. Quốc phòng: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp tuần tra 136 cuộc, có 408 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia. Huấn luyện cán bộ cho 29 đồng chí; dân quân thường trực 18 đồng chí. Dự kiểm tra bắn đạn thật với 28 đồng chí tham dự. Kiểm tra các xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh năm 2023. Tổ chức hội nghị quân nhân được 01 cuộc, có 29 đồng chí tham dự. Tổ chức

xét duyệt nguồn Nghĩa vụ quân sự năm 2024 cho 512 thanh niên. Đưa 02 sỹ quan dự bị đi đào tạo bổ túc cán bộ cấp Đại đội, Tiểu đoàn năm 2023.

7.2. An ninh:

- **Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm:** Phát hiện, triệt xóa 03 vụ/13 đối tượng đánh bạc, so tháng trước nhiều hơn 03 vụ, phạt tiền 13 đối tượng, số tiền 33,5 triệu đồng. Xác minh, làm rõ 01 vụ/02 đối tượng trộm cắp vật, phạt tiền 02 đối tượng 3,75 triệu đồng. Phát hiện, bắt quả tang 01 vụ/05 đối tượng đánh bạc dưới hình thức game bắn cá, phạt tiền 05 đối tượng, số tiền 14 triệu đồng; điều tra làm rõ 05/05 vụ tội phạm trật tự xã hội, khởi tố 04/05 bị can. Điều tra, làm rõ 01/01 vụ, thu giữ 45,5822 gam ma túy tổng hợp, khởi tố 01 vụ/01 bị can.

- Tuần tra vũ trang được 280 cuộc, có 1.680 lượt cán bộ, chiến sỹ tham gia, kết quả giải tán 35 lượt nhóm đối tượng tụ tập đêm khuya, 21 điểm đánh bạc nhỏ, giáo dục 323 lượt đối tượng. Kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy được 29 cuộc tại 33 cơ sở và 268 hộ dân, qua kiểm tra chưa phát hiện vi phạm.

- **Đảm bảo giao thông:** Tuần tra kiểm soát giao thông 358 cuộc, có 1.912 lượt cán bộ chiến sỹ tham gia; đã lập biên bản 254 trường hợp vi phạm, tạm giữ có thời hạn 159 xe mô tô và 95 giấy tờ có liên quan, phạt tiền 210 trường hợp, số tiền 279,35 triệu đồng, tước giấy phép lái xe có thời hạn 18 trường hợp. Đăng ký mới 06 xe ô tô, 189 xe mô tô các loại.

- **Thực hiện Đề án 06:** Thu nhận 531 hồ sơ cấp CCCD, cấp 6.796 tài khoản định danh điện tử, hướng dẫn kích hoạt 16.714 tài khoản điện thoại di động; nâng tổng số đã thu nhận 104.512 hồ sơ CCCD; cấp 43.436 tài khoản định danh điện tử và hướng dẫn 43.436 tài khoản điện thoại di động.

8. Kết quả phục hồi kinh tế theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ: Chỉ đạo các ngành và các xã, thị trấn phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ và các văn bản có liên quan. Song song đó, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về phát triển kinh tế - xã hội nhằm phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội như: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, ... kết quả thực hiện như sau:

- Tư vấn và giới thiệu việc làm mới cho 3.237 lao động tư vấn và giới thiệu việc làm mới, đạt 115,61% chỉ tiêu (*chỉ tiêu 2.800*), tăng 8,7% so cùng kỳ. Đưa 29 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, lũy kế 354/135 lao động (*trong đó lao động nữ 149 người*), đạt 262,22% chỉ tiêu, tăng 81,54% so cùng kỳ⁽¹²⁾.

⁽¹²⁾ Nhật Bản 343 lao động, Đài Loan 10 lao động và UAE 01 lao động.

- **Về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2022-2025:** Chỉ đạo các ngành có liên quan và các địa phương thường xuyên tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Triển khai thực hiện Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023.

- **Về công tác triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công:** Phối hợp tiến hành chi trả tiền GPMB thực hiện công trình Hoàn thiện hạ tầng giao thông đô thị loại IV, huyện Tiểu Cần và xây dựng mới và nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV được 36 hộ, với số tiền 6,628 tỷ đồng.

9. Kết quả thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Tổng nguồn vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia là 28.900.223.496 đồng, trong đó vốn năm 2023 là 24.387.600.000 đồng (vốn sự nghiệp 12.350.100.000 đồng⁽¹³⁾; vốn đầu tư phát triển 12.037.500.000 đồng); vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 4.512.623.496 đồng (trong đó vốn đầu tư thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người dân tộc Khmer khó khăn về nhà ở là 304.000.000 đồng; vốn sự nghiệp 4.208.623.496 đồng⁽¹⁴⁾, giải ngân 12.954.984.135 đồng, đạt 44,83% kế hoạch giao (gồm **Vốn đầu tư phát triển:** Giải ngân 10.745.549.963 đồng/12.341.500.000 đồng, đạt 82,89% kế hoạch vốn, **Vốn sự nghiệp:** Giải ngân 2.209.434.172 đồng/16.558.723.496 đồng, đạt 11,7% kế hoạch giao).

9.1. Kết quả thực hiện từng Chương trình:

- **Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:** Tổng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã phân bổ thực hiện 17.119,2 triệu đồng (trong đó vốn năm 2022 kéo dài thực hiện và giải ngân trong năm 2023: 1.848,636 triệu đồng), cụ thể: Vốn đầu tư phát triển phân bổ 8.742,5 triệu đồng, giải ngân 7.147 triệu đồng, đạt 81,74%; Vốn sự nghiệp phân bổ 8.376 triệu đồng, giải ngân 1.397 triệu đồng, đạt 16,67%.

- **Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:** Tổng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình là 3.575,259 triệu đồng (trong đó vốn năm 2022 kéo dài thực hiện và giải ngân trong năm 2023: 775,259 triệu đồng), giải ngân 659,050 triệu đồng, đạt 18,43%.

- **Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:** Tổng nguồn vốn phân bổ là 8.205,728 triệu đồng (trong đó vốn năm 2022 kéo dài thực hiện và giải ngân trong năm 2023: 1.888,728 triệu đồng). Cụ thể: Vốn đầu tư phát triển phân bổ 3.599 triệu đồng, giải ngân 3.599 triệu đồng, đạt 100% so kế hoạch giao;

⁽¹³⁾ Phòng LĐ-TB&XH 6.903.700.000 đồng; Phòng NN&PTNT 3.076.000 đồng; Phòng Dân tộc 161.700.000 đồng; Phòng Y tế 116.000.000 đồng; còn lại bố trí cho các xã (trừ thị trấn Cầu Quan) 2.092.700.000 đồng.

⁽¹⁴⁾ Phòng LĐ-TB&XH 2.442.623.496 đồng; Phòng NN&PTNT 1.690.000.000 đồng; Phòng Dân tộc 20.000.000 đồng; các xã (trừ thị trấn Cầu Quan, xã Ngãi Hùng, xã Hiếu Trung và xã Phú Cán) 56.000.000 đồng.

Vốn sự nghiệp phân bổ 4.606,728 triệu đồng, giải ngân 153,653 triệu đồng, đạt 3,34%.

9.2. Hạn chế và nguyên nhân: Việc triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm so kế hoạch, giải ngân vốn sự nghiệp còn thấp; nguyên nhân do các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ban hành chậm hơn so với thời gian bố trí vốn. Một số văn bản quy định nội dung, định mức chưa cụ thể nên khó thực hiện. Song song đó, đối tượng tham gia các lớp đào tạo nghề, giải quyết việc làm rất ít. Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc triển khai thực hiện các Tiểu dự án, dự án. Đối với định mức hỗ trợ và đối ứng để triển khai xây dựng nhà ở cho hộ nghèo là người dân tộc Khmer chậm được hướng dẫn.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Mặt được: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tiếp tục đổi mới theo hướng bám nhiệm vụ, sát thực tiễn, kiểm tra, đôn đốc từng nhiệm vụ cụ thể; đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Phát triển doanh nghiệp tăng so cùng kỳ. Xây dựng đô thị, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu được tập trung chỉ đạo. Lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm và đạt nhiều kết quả tích cực; đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài tăng nhiều so cùng kỳ. Cải cách hành chính có chuyển biến tốt; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo được các ngành và địa phương phối hợp thực hiện tốt. An ninh chính trị tiếp tục được giữ vững,... Đến thời điểm hiện tại, có 17/32 chỉ tiêu vượt, 07/32 chỉ tiêu đạt 100%, 01/32 chỉ tiêu đạt trên 90%, 01/32 chỉ tiêu đạt trên 60% và 06/32 chỉ tiêu chờ cuối năm.

2. Khó khăn, hạn chế: Giá cả vật tư đầu vào còn ở mức cao (*thức ăn, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thủy sản,...*), làm tăng giá thành sản xuất trong khi giá cả đầu ra của một số mặt hàng nông sản chủ lực không ổn định và ở mức thấp dẫn đến lợi nhuận của người sản xuất không cao. Tỷ lệ giải ngân vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia còn thấp nhất là nguồn vốn sự nghiệp. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT chưa đạt. Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em không đạt. Giải phóng mặt bằng dự án hoàn thiện hạ tầng giao thông đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV còn chậm, nguyên nhân do một số hộ dân chưa thống nhất với giá bồi thường, dẫn đến một số hạng mục công trình chậm được triển khai. Thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có lúc, có nơi chưa tốt, sự tham gia của người dân chưa nhiều.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 12/2023

1. Theo dõi tình hình thu hoạch vụ lúa Thu Đông; rà soát, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2023, xây dựng kế hoạch nạo vét kênh thủy lợi nội đồng năm 2024; đẩy mạnh tuyên truyền tiêm phòng cho đàn vật nuôi, tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc triển khai, thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; xây dựng mô hình chăn nuôi tập trung an toàn sinh học. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

2. Tập trung chỉ đạo thực hiện các dự án, tiêu dự án 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, giải ngân vốn sự nghiệp đảm bảo theo chỉ tiêu tỉnh giao. Tiếp tục tập trung thực hiện tốt Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 27/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng huyện Tiểu Cần trở thành thị xã trực thuộc tỉnh năm 2025.

3. Tăng cường quản lý, khai thác tốt các nguồn thu. Tổ chức giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 với các đơn vị dự toán. Chi cục Thuế khu vực Tiểu Cần - Cầu Kè phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tăng cường công tác thu thuế đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách xã, thị trấn năm 2023 theo kế hoạch HĐND giao. Thường xuyên rà soát, uốn nắn việc triển khai thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước.

Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, công trình xây dựng cơ bản; Giải ngân đảm bảo đạt tỷ lệ tỉnh giao. Tăng cường và quyết liệt hơn nữa công tác giải phóng mặt bằng Dự án hoàn thiện hạ tầng giao thông đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV; triển khai và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án đường nối Quốc lộ 60 - Quốc lộ 54, dự án đường giao thông nông thôn ấp Chợ - Phụng Sa đảm bảo theo kế hoạch. Quan tâm phối hợp kêu gọi đầu tư các công trình, dự án trọng điểm, góp phần thực hiện các tiêu chí xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao và tiêu chí xây dựng thị xã trực thuộc tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai; lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện cụ thể của huyện.

4. Thực hiện tốt Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện trong thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong đó chú trọng phối hợp tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân để tham gia xây dựng và bảo vệ môi trường. Củng cố, nhân rộng các tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp. Kiểm tra, xử lý các hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện tốt phương án thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn huyện.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện. Quan tâm triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đối với các đối tượng gia đình chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội. Phối hợp làm tốt công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm.

6. Phối hợp kiểm tra các hoạt động thương mại, nhất là hoạt động bán hàng đa cấp; đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; triển khai tốt công tác phối hợp giữa các ngành, tăng cường tổ chức kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, nhất là các cơ sở kinh doanh.

7. Tiếp tục quán triệt và triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ; Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chú trọng làm tốt công tác phối hợp tuyên truyền để người dân thực hiện. Thường xuyên kiểm tra công vụ, nhất là chú trọng nâng cao trách nhiệm và thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp của cán bộ, công chức.

8. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao chất lượng hòa giải ở cơ sở; thẩm định, đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 đối với cấp xã.

9. Tổng hợp báo cáo kết quả công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 đúng theo quy định. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh Trà Vinh quy định về chính sách hỗ trợ người lao động, học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đi làm việc và học tập ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021-2025.

10. Tập trung thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ, Nghị quyết năm 2023. Triển khai thực hiện tốt các giải pháp tấn công trấn áp các loại tội phạm. Tập trung công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành về Luật giao thông đường bộ và công tác phòng cháy, chữa cháy./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT HU, TT HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- Các cơ quan TW, Tỉnh đồng địa bàn;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP;
- NCTH;
- Lưu: VT.

[Handwritten signature]

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

10. CHỦ TỊCH *[Handwritten signature]*



Nguyễn Minh Mẫu

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ
VĂN HÓA - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH THÁNG 11/2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 593/BC-UBND
ngày 11/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần)



| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch | Thực hiện tháng 11 | So cùng kỳ | Ghi chú |
|------------|--|--------------|----------|--------------------|------------------------|--------------|
| A | CHỈ TIÊU KINH TẾ | | | | | |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất | % | 12 | | | cuối năm |
| 2 | Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn | Tỷ đồng | 58,5 | 58,64 | Giảm 7,96 | Vượt 0,24% |
| 3 | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội | Tỷ đồng | 2.650 | 2.460 | Tăng 2,59% | Đạt 92,83% |
| 4 | Số doanh nghiệp thành lập mới | Doanh nghiệp | 40 | 45 | Tăng 19 DN | Vượt 12,5% |
| B | CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG | | | | | |
| I | LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM | | | | | |
| 5 | Tổng số lao động đang làm việc | Người | 62.104 | 68.007 | Tăng 0,3% | Vượt 9,51% |
| 6 | Số lao động được tạo việc làm tăng thêm | Người | 2.800 | 3.237 | Tăng 8,7% | Vượt 15,61 |
| 7 | Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Người | 135 | 354 | Tăng 159 người | Vượt 162,22% |
| 8 | Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động | % | 75,00 | 76,00 | Tăng 0,64% | Vượt 1,00% |
| + | Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ | % | 35,00 | 36,84 | Tăng 3,1% | Vượt 1,84% |
| II | GIẢM NGHÈO (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều) | | | | | |
| 9 | Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo | % | 0,19 | 0,24 | Giảm 17,24% | Vượt 0,05% |
| 10 | Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc Khmer (so với tổng số hộ Khmer) | % | 0,28 | 0,44 | Giảm 6,38% | Vượt 0,2% |
| III | CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU | | | | | |
| 11 | Tổng số xã, thị trấn | đơn vị | 11 | 11 | - | Đạt |
| + | Số xã, thị trấn có nhà văn hóa, thư viện | Xã, thị trấn | 11 | 11 | - | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ hộ sử dụng điện | % | 99,8 | 99,92 | Tăng 0,03% | vượt 0,12% |
| 13 | Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước HVS | % | 100 | 100 | không tăng, không giảm | Đạt |
| + | Trong đó: được cung cấp nước sạch | % | 82,46 | 82,46 | không tăng, không giảm | Đạt |
| 14 | Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh | % | 100 | 100 | - | Đạt |
| 15 | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tăng thêm | xã | 1 | | | cuối năm |

| | | | | | | |
|-----------|--|-----------------|----------------|-------|-------------------------------|----------------------|
| 16 | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu | xã | 1 | | | cuối năm |
| IV | Y TẾ - XÃ HỘI | | | | | |
| 17 | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế | % | 94,98 | 95,21 | Tăng 7,56% | Vượt 0,24% |
| 18 | Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội trong tổng số lao động | % | 24,76 | 24,89 | Tăng 31,76% | Vượt 0,53% |
| | <i>Trong đó: Tỷ lệ tham gia BHXH tự nguyện</i> | % | 5,00 | 4,47 | Giảm 6,68% | Đạt 89,4% |
| 19 | Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp | % | 16,80 | 17,36 | - | Vượt 3,33% |
| 20 | Số giường bệnh/1 vạn dân (<i>không tính giường trạm y tế xã</i>) | Giường | 24,10 | 24,81 | <i>không tăng, không giảm</i> | Vượt 2,95% |
| 21 | Số bác sỹ/1 vạn dân | bác sỹ | 6,78 | 7,7 | Tăng 18,46% | Vượt 13,57 |
| 22 | Tỷ lệ trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ làm việc | % | 100 (10/10) | 100 | <i>không tăng, không giảm</i> | Đạt |
| 23 | Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế | % | 100 | | | Cuối năm |
| 24 | Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi | ‰ | 2,4 | 0 | | Vượt 2,4‰ |
| 25 | Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi | ‰ | 3,0 | 0 | | Vượt 3,0‰ |
| 26 | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (<i>cân nặng theo tuổi</i>) | % | 2,24 | 2,07 | | Vượt 0,17% |
| 27 | Số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em | Xã, thị trấn | 11 | 7 | <i>không tăng, không giảm</i> | Đạt 63,64% |
| - | <i>Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em</i> | % | 100 | 63,64 | <i>không tăng, không giảm</i> | Đạt 63,64% |
| V | GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | | | | | |
| 28 | Tổng số học sinh đầu năm học | Học sinh | 24.050 | | | cuối năm |
| - | <i>Mẫu giáo</i> | <i>Học sinh</i> | <i>4.500</i> | | | cuối năm |
| - | <i>Tiểu học</i> | <i>Học sinh</i> | <i>9.450</i> | | | cuối năm |
| - | <i>Trung học cơ sở</i> | <i>Học sinh</i> | <i>6.900</i> | | | cuối năm |
| - | <i>Trung học phổ thông</i> | <i>Học sinh</i> | <i>3.200</i> | | | cuối năm |
| 29 | Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học | | | | | cuối năm |
| - | <i>Mẫu giáo</i> | % | 88,00 | | | cuối năm |
| - | <i>Tiểu học</i> | % | 100,00 | | | cuối năm |
| - | <i>Trung học cơ sở</i> | % | 98,50 | | | cuối năm |
| C | QUỐC PHÒNG - AN NINH | | | | | |
| 30 | Số xã, thị trấn tái công nhận vững mạnh về quốc phòng - an ninh | Xã, thị trấn | 11 | 11 | <i>không tăng, không giảm</i> | Đạt |
| 31 | Tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ đạt chỉ tiêu | % | 100 | 100 | <i>không tăng, không giảm</i> | Đạt (125 thanh niên) |
| 32 | Xây dựng xã, thị trấn an toàn về an ninh trật tự | Xã, thị trấn | 11 | 11 | Tăng 01 | Đạt |